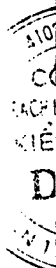


MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2001, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 23 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở được đặt tại số 360C Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2009 gồm Xí nghiệp Chế Biến Thực Phẩm và Xí nghiệp Chế Biến lâm Sản.

Các công ty con tính đến 31/12/2009 gồm:

- Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội
- Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 2)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Trường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Văn Lộc	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Đức	Thành viên HĐQT

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Hữu Mên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Minh Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Ngô Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2009

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2009 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2010.



NGO VĂN LỘC

Số: 10.106/BCKT-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2010

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC



TANG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.982.476.631	271.272.374.530
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	71.008.766.161	64.578.426.267
1. Tiền	111		10.717.016.161	13.378.426.267
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.291.750.000	51.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		47.000.000.000	1.670.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	47.000.000.000	1.670.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	34.481.396.491	35.977.633.417
1. Phải thu khách hàng	131		33.866.051.591	20.074.499.098
2. Trả trước cho người bán	132		889.171.285	8.868.954.958
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		20.091.756	25.431.756
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.675.747.062	8.377.142.808
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.969.665.203)	(1.368.395.203)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	112.769.949.220	167.544.248.807
1. Hàng tồn kho	141		116.609.065.255	169.964.128.137
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.839.116.035)	(2.419.879.330)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		722.364.759	1.502.066.039
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		163.218.312	160.916.926
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	631.971.496
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		68.579.547	17.147.835
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	490.566.900	692.029.782

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.277.333.340	75.522.801.487
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	557.057.567
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	557.057.567
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.348.011.953	28.006.313.328
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	4.488.252.593	12.336.037.395
- Nguyên giá	222		14.400.137.043	27.028.021.216
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.911.884.450)	(14.691.983.821)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	-	3.941.720.290
- Nguyên giá	228		219.821.000	4.450.677.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(219.821.000)	(508.956.710)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		859.759.360	11.728.555.643
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	30.028.151.824	25.378.067.922
- Nguyên giá	241		50.346.320.657	43.436.233.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(20.318.168.833)	(18.058.165.214)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	81.738.626.000	21.340.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.500.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.000.000.000	450.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		59.714.626.000	33.480.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(6.476.000.000)	(12.590.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		162.543.563	241.362.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		162.543.563	241.362.670
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		383.259.809.971	346.795.176.017

(Phần tiếp theo ở trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		93.850.098.838	122.772.452.519
I. Nợ ngắn hạn	310		90.464.541.404	118.495.842.261
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	9.707.470.379	5.047.859.073
2. Phải trả người bán	312	5.11	9.332.510.206	7.025.234.920
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	2.293.006.270	90.932.662.425
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	3.230.280.154	9.069.507.646
5. Phải trả người lao động	315		1.160.483.136	1.274.096.899
6. Chi phí phải trả	316	5.13	3.172.428.000	4.577.625.391
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.14	61.568.363.259	568.855.907
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.385.557.434	4.276.610.258
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	3.234.486.188	1.903.954.440
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	2.220.856.808
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		151.071.246	151.799.010
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.409.711.133	224.022.723.498
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	285.197.718.172	222.203.291.953
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	76.112.884.867
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(22.235.231.031)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.571.063.274	1.728.287.303
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.901.522.678	6.058.746.706
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		573.544.371	110.305.574
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.265.854.731	19.225.208.534
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		4.211.992.961	1.819.431.545
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		4.211.992.961	1.819.431.545
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		383.259.809.971	346.795.176.017

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		629.702.728	486.085.536
5. Ngoại tệ các loại (USD)		566.084,04	556.524,71
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ VÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

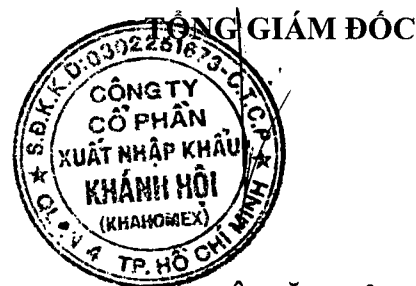
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	188.539.256.142	228.960.023.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	6.1	4.280.737.102	151.225.485
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	61	184.258.519.040	228.808.798.353
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	125.521.652.271	173.712.446.657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.736.866.769	55.096.351.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.782.877.364	20.227.174.863
7. Chi phí tài chính	22	6.4	407.854.260	14.166.518.282
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		397.609.834	1.413.411.936
8. Chi phí bán hàng	24		1.711.645.856	5.220.905.019
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.645.350.657	6.856.480.472
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.754.893.360	49.079.622.786
11. Thu nhập khác	31	6.5	8.389.826.829	7.812.845.765
12. Chi phí khác	32	6.6	10.373.190.677	6.240.977.651
13. Lợi nhuận khác	40		(1.983.363.848)	1.571.868.114
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.771.529.512	50.651.490.900
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	14.975.057.083	12.223.731.186
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.796.472.429	38.427.759.714
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.16	3.962	2.853

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ VÂN



NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		150.369.428.307	247.354.217.967
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(49.188.694.367)	(118.276.610.567)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.290.802.671)	(17.414.216.654)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(277.752.975)	(774.753.984)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(20.867.832.358)	(4.692.469.877)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		66.894.810.225	54.862.842.241
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(82.193.019.248)	(31.058.752.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.446.136.913	130.000.256.810
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.436.942.543)	(1.067.305.018)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.143.438.926	2.588.310.161
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48.700.000.000)	(34.685.508.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.370.000.000	33.015.508.800
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.719.626.000)	(15.850.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.362.068.614	10.358.608.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62.981.061.003)	(5.640.385.947)

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		42.161.490.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(22.231.641.031)
3. Tiền vay dài hạn, ngắn hạn nhận được	33		4.711.400.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.652.275.276)	(31.493.804.518)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.574.722.000)	(26.262.965.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.645.892.724	(79.988.410.549)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		6.110.968.634	44.371.460.314
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.578.426.267	19.976.765.196
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		319.371.260	230.200.757
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		71.008.766.161	64.578.426.267

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ VÂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC
 NGÔ VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000344, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 23 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360C Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2009 gồm Xí nghiệp Chế Biến Thực Phẩm và Xí nghiệp Chế Biến lâm Sản.

Các công ty con tính đến ngày 31/12/2009 gồm:

- Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội
- Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc thiết bị	07 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 năm
+ Phần mềm máy vi tính	05 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí tiền khuyến mãi theo doanh số được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng là 2 năm.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán căn hộ và nhà được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đơn vị thực hiện chuyển giao căn hộ cho khách hàng và việc thanh toán tiền của khách hàng đã thực hiện 95% giá trị căn hộ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chuyên quyền sử dụng đất, 20% từ hoạt động kinh doanh khác. Tuy nhiên, do năm 2009 Công ty không đạt được tỷ lệ xuất khẩu theo quy định nên không được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế TNDN 20% nữa.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	358.908.000	1.019.567.500
Tiền gửi ngân hàng	10.358.108.161	12.358.858.767
Các khoản tương đương tiền	60.291.750.000	51.200.000.000
Tổng cộng	71.008.766.161	64.578.426.267

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	33.866.051.591	20.074.499.098
Trả trước cho người bán	889.171.285	8.868.954.958
Phải thu nội bộ ngắn hạn	20.091.756	25.431.756
Các khoản phải thu khác	1.675.747.062	8.377.142.808
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	36.451.061.694	37.346.028.620
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.969.665.203)	(1.368.395.203)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	34.481.396.491	35.977.633.417

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư	12.218.483.418	5.425.419.685
Phải thu về cho thuê mặt bằng	420.087.473	296.501.790
Phải thu hoạt động bán văn phòng	5.088.461.344	-
Phải thu tiền điện, nước chi hộ – xem thêm mục 7	71.960.546	-
Phải thu tiền hàng gỗ	6.454.104.321	6.522.084.895
Phải thu tiền bán văn phòng Chung cư Khánh Hội 2 – xem thêm mục 7.	8.388.670.000	-
Phải thu bán hàng hoá của XN Chế Biến Thực Phẩm	-	531.740.089
Phải thu khác	1.224.359.989	7.298.752.639
Cộng	33.866.051.591	20.074.499.098

Trong khoản trả trước người bán có khoản trả trước về cung cấp dịch vụ cho Công ty CP TVTK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước 507.775.500 đồng. (xem thêm mục 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu cổ tức từ đầu tư dài hạn	117.500.000	-
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	590.449.400	1.023.266.667
Phải thu tiền phí sử dụng vốn đầu tư	413.556.966	6.718.634.676
Phải thu khác Công ty CP TVTK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước – xem thêm mục 7	30.566.909	-
Phải thu khác	523.673.787	635.241.465
Cộng	1.675.747.062	8.377.142.808

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.369.110.046	24.289.434.327
Công cụ, dụng cụ	10.520.115	21.656.493
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	107.128.223.201	140.370.163.922
Thành phẩm	2.975.167.822	4.763.942.589
Hàng hóa	126.044.071	518.930.806
Cộng giá gốc hàng tồn kho	116.609.065.255	169.964.128.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.839.116.035)	(2.419.879.330)
Giá trị thuần có thể thực hiện	112.769.949.220	167.544.248.807

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập thêm cho khoản giảm giá mặt hàng gỗ tồn kho lâu năm, chậm luân chuyển.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	351.680.000	236.992.385
Tạm ứng	138.886.900	455.037.397
Tổng cộng	490.566.900	692.029.782

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: 1.000.000 đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phuon g tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSC Đ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.994	12.654	830	547	2.003	27.028
Mua trong năm	-	-	-	27	-	27
Đầu tư XDCB hoàn thành	14.891	-	1.279	78	58	16.306
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.747)	(423)	-	-	(680)	(7.850)
Thanh lý, nhượng bán	(1.339)	(3.943)	(160)	(97)	(681)	(6.220)
Giảm khác	(14.891)	-	-	-	-	(14.891)
Số dư cuối năm	2.908	8.288	1.949	555	700	14.400
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.446	7.982	398	433	1.432	14.692
Khấu hao trong năm	247	1.108	94	39	80	1.568
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.640)	(155)	-	-	(509)	(2.304)
Thanh lý, nhượng bán	(456)	(2.969)	(160)	(97)	(362)	(4.044)
Số dư cuối năm	2.597	5.966	332	375	641	9.912
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	6.548	4.672	432	114	571	12.336
Tại ngày cuối năm	311	2.322	1.617	180	59	4.488

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.842.629.537 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.230.856.000	219.821.000	4.450.677.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(4.230.856.000)	-	(4.230.856.000)
Số dư cuối năm	-	219.821.000	219.821.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	308.499.912	200.456.798	508.956.710
Khấu hao trong năm	7.345.236	19.364.202	26.709.438
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(315.845.148)	-	(315.845.148)
Số dư cuối năm	-	219.821.000	219.821.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.922.356.088	19.364.202	3.941.720.290
Tại ngày cuối năm	-	-	-

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	29.134.622.720	14.301.610.416	43.436.233.136
Tăng trong năm	-	7.849.803.984	-	7.849.803.984
Chuyển từ TSCĐHH	4.230.856.000	-	-	4.230.856.000
Chuyển từ TSCĐVH	-	(5.170.572.463)	-	(5.170.572.463)
Số dư cuối năm	4.230.856.000	31.813.854.241	14.301.610.416	50.346.320.657
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	17.562.231.013	495.934.201	18.058.165.214
Tăng trong năm	58.761.888	1.939.990.476	129.804.827	2.128.557.191
Chuyển từ TSCĐHH	315.845.148	2.303.765.123	-	2.619.610.271
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.488.163.843)	-	(2.488.163.843)
Số dư cuối năm	374.607.036	19.317.822.769	625.739.028	20.318.168.833
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	11.572.391.707	13.805.676.215	25.378.067.922
Tại ngày cuối năm	3856248964	12.496.031.472	13.675.871.388	30.028.151.824

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	27.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	450.000.000
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	1.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	59.714.626.000	33.480.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	88.214.626.000	33.930.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6.476.000.000)	(12.590.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	81.738.626.000	21.340.000.000

Danh sách các công ty con, liên doanh mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại	Vốn góp đến 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn
+ Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội - xem thêm mục 7	Công ty con	16.000.000.000	100%
+ Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	Công ty con	6.000.000.000	100%
+ Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước - xem thêm mục 7	Công ty con	5.500.000.000	55%
+ Công ty CP Sản Giao Dịch Bất Động Sản Bến Thành	Liên doanh	1.000.000.000	16,67%
Cộng		28.500.000.000	

Danh sách đầu tư dài hạn khác Công ty đã đầu tư như sau:

	Số lượng cổ phần	Mệnh giá	Đơn giá mua	Giá trị trên sổ sách
Công ty CP KT XD Phú Nhuận	6.750			825.000.000
- Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	1.750	100.000		175.000.000
- Khoản đầu tư	5.000	100.000	130.000	650.000.000
Công ty CP ĐT PT CN TM Củ Chi	417.000	10.000	60.000	18.070.000.000
Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước – Đông Nam (Dream House)	600.000	10.000	20.000	12.000.000.000
Công ty CP TM Phú Nhuận	100.000	10.000	35.000	3.500.000.000
Công ty CP Bến Thành Long Hải	150.000	10.000	12.500	1.875.000.000
				36.270.000.000
Ứng trước tiền hợp tác đầu tư với Công ty CP SXKD Hàng XK Tân Bình				900.000.000
Ứng trước tiền hợp tác đầu tư với Công ty CP TM Hóc Môn				22.544.626.000
Cộng				59.714.626.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Danh sách các khoản lập dự phòng đầu tư dài hạn như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP KT XD Phú Nhuận	(40.000.000)	(100.000.000)
Công ty CP ĐT PT CN TM Củ Chi	(3.336.000.000)	(8.340.000.000)
Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước – Đông Nam (Dream House)	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Công ty CP TM Phú Nhuận	(700.000.000)	(1.750.000.000)
Tổng cộng	(6.476.000.000)	(12.590.000.000)

5.10. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo thông báo lãi suất vay, không có tài sản đảm bảo.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	9.332.510.206	7.025.234.920
Người mua trả tiền trước	2.293.006.270	90.932.662.425
Tổng cộng	11.625.516.476	97.957.897.345

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả về bảo hành hạng mục công trình và chi phí xây dựng công trình	5.821.014.185	3.440.012.626
Phải trả về mua nguyên vật liệu	3.467.287.922	3.585.222.294
Khác	44.208.099	-
Cộng	9.332.510.206	7.025.234.920

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Thu trước tiền gối	605.579.093	891.425.821
Thu trước tiền bán căn hộ chung cư	-	88.541.236.604
Thu trước tiền thanh lý sạp Xóm Chiếu	891.666.000	-
Khác	795.761.177	1.500.000.000
Cộng	2.293.006.270	90.932.662.425

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	214.878.571	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.009.362.487	9.047.007.762
Thuế thu nhập cá nhân	6.039.096	22.499.884
Tổng cộng	3.230.280.154	9.069.507.646

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2009	150.000.000	-
Chi hỗ trợ bồi thường tái định cư	3.000.000.000	-
Khác	22.428.000	4.577.625.391
Tổng cộng	3.172.428.000	4.577.625.391

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	99.451.339	24.716.784
Bảo hiểm xã hội	-	1.350.000
Bảo hiểm y tế	44.576.753	48.907.980
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.424.335.167	493.881.143
Tổng cộng	61.568.363.259	568.855.907

Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phí đầu tư dự án cao ốc 56 Bến Vân Đồn	37.652.495.238	-
Phí đầu tư dự án Chung cư Khánh Hội 4 - Hóc Môn	6.809.925.000	-
Cổ tức đợt 2 năm 2009 phải trả cổ đông	9.884.216.300	-
Thu 2% bảo trì căn hộ	6.737.461.833	-
Khác	340.236.796	493.881.143
Cộng	61.424.335.167	493.881.143

5.15. Phải trả dài hạn khác

Đây là khoản nhận đặt cọc thuê mặt bằng Chung cư Khánh Hội.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	130.748.670.000	76.112.884.867	(3.590.000)	16.073.361.401	10.002.361.923	232.933.688.191
Tăng vốn năm trước	10.454.420.000	-	-	(10.454.420.000)	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	38.427.759.714	38.427.759.714
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(22.231.641.031)	-	-	(22.231.641.031)
Trích quỹ	-	-	-	2.278.398.182	(2.278.398.182)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.262.965.000)	(26.262.965.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(663.549.921)	(663.549.921)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	76.112.884.867	(22.235.231.031)	7.897.339.583	19.225.208.534	222.203.291.953
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	51.796.472.429	51.796.472.429
Tăng do bán cổ phiếu quỹ	-	19.569.758.251	22.235.231.031	-	-	41.804.989.282
Trích quỹ	-	-	-	8.454.107.137	(8.454.107.137)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.458.938.300)	(26.458.938.300)
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(3.842.775.972)	(3.842.775.972)
Giảm khác	-	-	-	(305.316.397)	(4.823)	(305.321.220)
Số dư cuối năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	-	16.046.130.323	32.265.854.731	285.197.718.172

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	20%	27.697.470.000	30.979.270.000
Vốn góp của các đối tượng khác	80%	113.505.620.000	110.223.820.000
Tổng cộng	100%	141.203.090.000	141.203.090.000

5.16.3. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	1.374.369
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	14.120.309	12.745.940
▪ Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	51.796.472.429	38.427.759.714
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.074.893	13.471.020
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	3.962	2.853

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	156.968.140.202	195.500.956.502
Doanh thu bán hàng hóa	1.031.517.378	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.357.981.107	2.909.698.923
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	10.709.765.455	11.556.526.413
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	17.471.852.000	18.992.842.000
Hàng bán bị trả lại	(4.280.737.102)	(151.225.485)
Doanh thu thuần	184.258.519.040	228.808.798.353

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	997.520.255	1.372.999.579
Giá vốn của thành phẩm đã bán	102.591.604.291	150.003.990.176
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.529.350.154	1.096.631.017
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	2.812.077.201	2.898.682.336
Giá vốn chuyên quyền sử dụng đất	15.171.863.665	16.255.470.189
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	470.550.953
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.419.236.705	1.614.122.407
Tổng cộng	125.521.652.271	173.712.446.657

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.909.445.154	16.863.301.049
Lãi sử dụng vốn	3.903.960.899	-
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	1.496.891.200
Lãi bán hàng trả chậm	970.965.208	219.370.725
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.594.844.120	1.151.475.156
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	221.896.287	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.681.170	450.647.133
Lãi bán ngoại tệ	-	25.924.000
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	6.114.000.000	-
Khác	3.084.526	19.565.600
Tổng cộng	18.782.877.364	20.227.174.863

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	397.609.834	1.413.411.936
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.244.426	156.402.066
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn/dài hạn	-	12.590.000.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	6.704.280
Tổng cộng	407.854.260	14.166.518.282

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ, phế liệu	3.883.171.893	2.685.632.006
Thu nhập khác	4.506.654.936	5.127.213.759
Tổng cộng	8.389.826.829	7.812.845.765

6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	31.180.908	50.877.412
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.858.483.090	2.975.093.703
Chi phí khác	5.483.526.679	3.215.006.536
Tổng cộng	10.373.190.677	6.240.977.651

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính	65.061.866.177	47.914.119.089
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	783.894.108	13.230.505.774
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	(7.655.195.287)	(1.256.452.824)
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế	58.190.564.998	59.888.172.039
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	20%
Thuế TNDN ước tính phải nộp	14.547.641.250	11.977.634.408
Lợi nhuận trước thuế của hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	1.709.663.335	2.737.371.811
Chuyển lỗ của hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	-	(2.483.921.679)
Tổng thu nhập tính thuế	1.709.663.335	253.450.132
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế TNDN ước tính phải nộp	427.415.834	70.966.037
Cộng thuế TNDN ước tính phải nộp	14.975.057.083	12.048.600.445
Thuế TNDN phải nộp bổ sung		175.130.741
Tổng cộng	14.975.057.083	12.223.731.186

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Các bên có liên quan với Công ty gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	Công ty con
Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	8.998.972.955	-
Tổng cộng	8.998.972.955	-

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cấp vốn cho công ty con – xem thêm mục 5.9	16.000.000.000	-
Thu Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước tiền đặt cọc thuê mặt bằng Chung cư Khánh Hội 2 - xem thêm mục 5.3	8.388.670.000	-
Chuyển đổi từ Công ty liên kết thành Công ty con - Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước - xem thêm mục 5.9	5.500.000.000	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	250.600.000	187.800.000
Lương Tổng Giám đốc	150.409.549	145.984.669
Lương các nhân viên chủ chốt khác	401.772.901	378.476.442
Tổng cộng	802.782.450	712.261.111

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính


Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 01 năm 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ VÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÔ VĂN LỘC